

# ĐÁP ÁN: ĐỀ THUẾ GTGT 03

## A, PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Đề thi và bài tập câu trắc nghiệm học viên làm theo quy tắc sau: Trong đề thi của Trường Cao Cấp Thuế ban hành đề thi và bài tập câu trắc nghiệm chỉ có duy nhất một đáp án đúng nhất, do vậy trong quá trình làm bài các thí sinh lưu ý chọn lựa đáp án (A,B,C,D..) phù hợp, không chọn đúng thì hai đáp án trên cùng một câu hỏi. Trong trường hợp gặp phải câu hỏi thì gạch chéo câu trả lời đã chọn trên đề thi theo hình minh họa sau

|                                                                                   |                                                                                   |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |
| <b>Chọn</b>                                                                       | <b>Bỏ chọn</b>                                                                    |

| CÂU | ĐÁP ÁN | CÂU | ĐÁP ÁN |
|-----|--------|-----|--------|
| 1   | B      | 6   | F      |
| 2   | B      | 7   | C      |
| 3   | C      | 8   | C      |
| 4   | A      | 9   | A      |
| 5   | A      | 10  | C      |

| CÂU | ĐÁP ÁN | CÂU | ĐÁP ÁN |
|-----|--------|-----|--------|
| 11  | D      | 16  |        |
| 12  | C      | 17  |        |
| 13  | D      | 18  |        |
| 14  | B      | 19  |        |
| 15  | D      | 20  |        |

## B, PHẦN BÀI TẬP: (không cần viết dài, chỉ cần viết đúng trọng tâm)

Bài làm :

Giả sử (trả lời bài cho khác):

- Công ty Thành Công nộp thuế GTGT theo PP khấu trừ, nộp thuế khai thuế GTGT theo tháng
- Các nghiệp vụ mua vào và bán ra có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ, đủ điều kiện khấu trừ

1. Thuế GTGT đầu ra:  
GTGGT

GTT Thuế

a.HH-DV không chịu thuế :

Nghiệp vụ 3 : TSCĐ thuê nhập khi bán thuế đầu tư không chịu thuế

900

Công 900

b.HH-DV không kê khai, tính nộp thuế

Nghiệp vụ 1 : TSCĐ di chuyển gia các ĐV 100% và không kê khai, nộp thuế

Công

c.HH-DV chịu thuế 10%

Nghiệp vụ 2 : Lô hàng bán cho TC quĩ cũ không đổi di chuyển không chịu thuế

Thuế GTGT lô hàng bán và trị = 600 \* 10%

600 60

Công

600 60

Tỉ lệ DT chịu thuế/DT không chịu thuế = 600/(600+900)

40%

2.Thuế GTGT đầu vào

D.s

KT

Ko KT

NV 4 : Hóa đơn sai mã số thuế phải xuất lại (do hai bên chưa khai thuế), ko

đăng ký biên bản di chuyển

NV 5 : TSCĐ mua và góp và ngay, không khấu trừ (bên nhận đăng kê

khai, khấu trừ thuế GTGT)

NV 6 : Thuế GTGT nộp thay cá nhân cho thuê Ts = 200 \* 5% = 10, không KT đưa vào CF

NV 7 : DN không KD KS ..., Thuế GTGT đăng kê khấu trừ xe ô tô 5 chỗ tính đăng ph 1,6 t

Phân thanh toán = TM ko đăng kê KT = 220/1.1 \* 10% = 20

Thuế GTGT xe ô tô đăng kê KT = (160 - 20)\*40%

1.600

56

104

NV 8 : Thuế GTGT hóa đơn trên 20 triệu TT = TM ko KT

Thuế GTGT của hóa đơn bị quên ko đăng kê khai sau quy trình toán

**Giả sử HH-DV còn lại dùng riêng cho hoạt động chịu thuế**

GTT = 4.500 - (200 + 800)

3.500

Thuế GTGT = 3.500 \* 10%

350

Công

406

104

Tổng thuế GTGT đầu vào = 406 + 104

510

3.Giả sử thuế GTGT còn đăng kê khấu trừ kỳ trước chuyển sang = 0

4. Phần thuế GTGT bị truy thu sau quy trình toán không đổi thông tin đăng kê di chuyển

4.Thuế GTGT đầu ra phải nộp trong kỳ = 60 - (0+406) = -346

DN có số thuế GTGT còn đăng kê khấu trừ chuyển sang kỳ sau là -346

## ĐÁP ÁN: ĐỀ THUẾ GTGT 04

### A, PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Đề thi và bài tập câu trắc nghiệm học viên làm theo quy tắc sau: Trong đề thi của Tổng Cục Thuế ban hành đề thi và bài tập câu trắc nghiệm chỉ có duy nhất một đáp án đúng nhất, do vậy trong quá trình làm bài các thí sinh lưu ý chọn lựa đáp án (A,B,C,D..) phù hợp, không chọn đồng thời hai đáp án trên cùng một câu hỏi. Trong trường hợp gặp phải câu hỏi thì gạch chéo câu trả lời đã chọn trên phiếu trả lời theo hình mẫu sau

|                                                                                   |                                                                                   |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |
| <b>Chọn</b>                                                                       | <b>Không chọn</b>                                                                 |

| CÂU | ĐÁP ÁN | CÂU | ĐÁP ÁN |
|-----|--------|-----|--------|
| 1   | B      | 6   | C      |
| 2   | A      | 7   | C      |
| 3   | A      | 8   | B      |
| 4   | B      | 9   | C      |
| 5   | C      | 10  | A      |

| CÂU | ĐÁP ÁN | CÂU | ĐÁP ÁN |
|-----|--------|-----|--------|
| 11  | A      | 16  |        |
| 12  | D      | 17  |        |
| 13  | D      | 18  |        |
| 14  | B      | 19  |        |
| 15  | E      | 20  |        |

### B, PHẦN BÀI TẬP: (không cần viết dài, chỉ cần viết đúng trọng tâm)

Bài làm :

(ĐVT tự do)

Giải :

- DN nộp thuế GTGT theo PP khấu trừ, nộp thuế khai thuế GTGT theo tháng
- Các nghiệp vụ mua vào có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ, đủ điều kiện KT thuế (trừ trừ bài cho khác)

I. Tính thuế GTGT đầu ra :

GTT Thuế GTGT

a) Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế 0%

NV 1 : Phân mềm xuất khẩu qua internet không cần thuế khai HQ

Hợp đồng xuất khẩu chịu thuế miễn thuế thanh toán, chỉ có chứng từ thanh toán và đơn c hính 0%

GTT hợp đồng xuất khẩu = (15.000USD + 5.000USD) \* 0,0215

430

Thuế GTGT = 430 \* 0%

0

b) HH-DV chịu thuế 10% :

NV 5 : Do không chấp minh được khách hàng ko có mặt tại Việt Nam nên hợp đồng được tính như dịch vụ tư vấn nên i địa, nên ng đưa vào không được khấu trừ

$$GTT = 15.400\text{USD} * 0,0215 \quad 331,1$$

$$\text{Thuế GTGT} = 331,1 * 10\% \quad 33,11$$

NV 6 : Bán máy tính không tách riêng bản quyền, thuế GTGT tính trên toàn bộ giá trị hợp đồng

$$GTT = 60 * 3 \text{ chiếc} \quad 180$$

$$\text{Thuế GTGT} = 180 * 10\% \quad 18$$

$$\text{Tổng cộng} \quad 941,1 \quad 51,1$$

b) Hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế

NV4 : Do hợp đồng tách riêng PM và i địa nên thuế GTGT sẽ được tính riêng cho từng đối tượng.

Tuy nhiên, hàng XK, có TK hàng quan, Ko có c.tính toán CK : Ko tính thuế GTGT đưa

ra nên ng Ko được khấu trừ thuế GTGT đưa vào.

$$GTT \text{ phần m} = 9.000\text{USD} * 0,0215 \quad 193,5$$

$$GTT \text{ i địa c} = 1.000\text{USD} * 0,0215 \quad 21,5$$

$$\text{C} \quad 215$$

$$\text{Tỷ lệ HH-DV chịu thuế/tổng doanh thu} = (430+180)/(430+180+331,1+215) \quad 52,8\%$$

II.Xác định thuế GTGT đưa vào : D.số VATKT VATkKT

$$NV 2 : GTT \text{ lô máy chấp nhập khẩu} = (265-100)/1,1 \quad 150$$

$$\text{Thuế GTGT} = 150 * 10\% = 15$$

$$\text{Thuế GTGT c} 3 \text{ chiếc bán TM được KT toàn bộ} = 15/5 \text{ chiếc} * 3 \text{ chiếc} \quad 9$$

$$\text{Số còn lại ghi sổ xuất dùng, thuế GTGT được KT} = 15/5 \text{ chiếc} * 2 \text{ chiếc} * 52,8\% \quad 3,17 \quad 2,83$$

Tiền bản quyền Window không chịu thuế

NV 3 : Trang web không được đối tượng phần mềm

Hàng mua đến hạn chấp thanh toán vốn được khấu trừ khi có quan thuế chấp kiểm tra

$$\text{Thuế GTGT} = 120 * 10\% = 12$$

$$\text{Thuế GTGT được khấu trừ} = 12 * 52,8\% \quad 120 \quad 6,33 \quad 5,67$$

NV 7 : Hóa đơn chấp thanh toán vốn được khấu trừ thuế GTGT

$$GTT = 70 * 12 \text{ tháng} \quad 840$$

$$\text{Thuế GTGT} = 840 * 10\% = 84$$

$$\text{Thuế GTGT được khấu trừ} = 84 * 52,8\% \quad 44,32 \quad 39,68$$

NV 8 : Đ/chính giảm Thuế GTGT đầu vào t/toán = tiền m/t (110/1,1\*10%) (100) (10)

NV 9 : Hai hóa đơn cùng ngày chđ c kh u tr khi có c.t t/toán qua NH nên hóa đơn 16 tri u thanh toán = tiền m/t không đ c kh u tr .

Gi s các hóa đơn đầu có thuế GTGT 10% và dùng chung cho hai ho t đ ng ch u thuế và không CT

$$GTT = (80 - 16) * 10\% = 640$$

$$\text{Thuế GTGT đầu vào đ c kh u tr} = 640 * 10\% * 52,8\% \quad 33,77 \quad 30,23$$

$$\text{C ng} \quad 1.650 \quad 86,59 \quad 78.41$$

$$\text{T ng thuế GTGT đầu vào} = 86,59 + 78,41 \quad 165$$

3. Thuế GTGT còn đ c kh u tr kỳ tr c chuyển sang = 0

4. Thuế GTGT phải nộp trong kỳ = Thuế GTGT đầu ra PS trong kỳ - (Thuế GTGT đầu vào đ c KT phát sinh trong kỳ + Thuế GTGT còn đ c kh u tr kỳ tr c chuyển sang) = 51,1 - (86,59 + 0) = 35,49.

Kết luận :

## ĐÁP ÁN: ĐỀ THUẾ GTGT 05

### A, PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Đề thi và bài câu trắc nghiệm học viên làm theo quy tắc sau: Trong đề thi của Tổng Cục Thuế ban hành đề thi và bài câu trắc nghiệm chỉ có duy nhất một đáp án đúng nhất, do vậy trong quá trình làm bài các thí sinh lưu ý chỉ lựa chọn một đáp án (A,B,C,D..) phù hợp, không chọn đồng thời hai đáp án trên cùng một câu hỏi. Trong trường hợp muốn thay đổi câu trả lời thì gạch chéo câu trả lời đã chọn trước đó theo hình hình vẽ sau

|                                                                                   |                                                                                   |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |
| <b>Chọn</b>                                                                       | <b>Bỏ chọn</b>                                                                    |

| CÂU | ĐÁP ÁN | CÂU | ĐÁP ÁN |
|-----|--------|-----|--------|
| 1   | B      | 6   | A      |
| 2   | A      | 7   | A      |
| 3   | B      | 8   | A      |
| 4   | A      | 9   | C      |
| 5   | B      | 10  | B      |

| CÂU | ĐÁP ÁN | CÂU | ĐÁP ÁN |
|-----|--------|-----|--------|
| 11  | C      | 16  |        |
| 12  | A      | 17  |        |
| 13  | B      | 18  |        |
| 14  | B      | 19  |        |
| 15  | C      | 20  |        |

### B, PHẦN BÀI TẬP: (không cần viết dài, chỉ cần viết đúng trọng tâm)

Bài làm (ĐVT trả lời):

Giá số (0,75 điểm):

- Nộp thuế GTGT theo PP Khấu trừ
- Nộp thuế khai theo tháng
- Các nghiệp vụ mua vào hóa đơn, chứng từ hợp pháp, để ĐK khấu trừ (trả đầu bài cho khác)

A) Tính thuế GTGT phải nộp trong kỳ:

I. Xác định thuế GTGT đầu ra (1,5 điểm):

GTT Thuế GTGT

1. Đề thi và HH-DV chịu thuế 10%

NV 8 : Nghĩa vụ thuế GTGT của tiêu thụ HH để tính thuế tiêu thụ nội địa hàng

GTT = 300 chiếc \* 4 + 200 chiếc \* 7 2.600

Thuế GTGT = 2.600 \* 10% 260

NV 9 : Bán lẻ máy Kindle Voyage GTT = 300 chiếc \* 8 2.400

Thu GTGT =  $2.400 \times 10\%$  240

NV 10 : DN không phải kê khai đối với doanh thu hàng bán đối lý nên không kê khai HH

Hoa hồng đối lý =  $300 \times 1 \times 5\%$  15

Thu GTGT =  $15 \times 10\%$  1,5

Tổng cộng 5.015 501,5

II. Xác định thu GTGT đưa vào (4,25 điểm): D.s VATKT VATkKT

NV1 : GTT máy Kindle Paperwhite = 400 chiếc  $\times 3,5$  1.400

Thu GTGT =  $1.400 \times 10\%$  140

NV3 : GTT máy Kindle Voyage = 500 chiếc  $\times 6$  3.000

Thu GTGT =  $3.000 \times 10\%$  300

NV4 : Hóa đơn giá trị cộng 20 triệu thanh toán bằng TM với đơn vị KT

GTT đơn =  $11 / (1 + 10\%)$  10

Thu GTGT =  $10 \times 10\%$  1

NV5 : GTT nhân =  $1.05 / (1 + 5\%)$  1

Thu GTGT =  $1 \times 5\%$  0,05

NV7 : GTT tổng cộng phải nộp thuế TM Ko KT =  $44 / (1 + 10\%) = 40$

GTT còn phải nộp thuế =  $400 - 40$  360

Thu GTGT =  $360 \times 10\%$  36

NV 10 : Hóa đơn đưa vào hàng bán đối lý đúng giá không phải nộp thuế

NV11 : Hàng trả lại, DN xuất hóa đơn và kê khai đối với chính giảm thuế tiêu thụ nội địa

Đơn giá nhập của thuế GTGT =  $6,6 / (1 + 10\%) = 6$

GTT lô hàng trả lại =  $200 \text{ chiếc} \times 6$  (1.200)

Thu GTGT lô hàng trả lại =  $1.200 \times 10\%$  (120)

NV12 : Thuế NK phải nộp thuế khi có GNT 42

Đơn vị phải kê khai đối với chính giảm thuế GTGT khâu NK T3/18

Cộng 3.571 399,05

3. Thuế GTGT còn phải nộp thuế kỳ trước chuyển sang = 0

4. Đối với chính thuế GTGT kỳ trước :

DN đã kê khai hàng trả lại thuế GTGT hàng nhập khẩu khi chưa có chứng từ nộp thuế là sai quy định, nên phải nộp 42 triệu thuế GTGT đưa vào của kỳ tháng 3/18. Do kỳ tháng 3/18, DN có số thuế GTGT còn phải nộp KT

chuyển kỳ sau là 68 triệu, sau khi loại bỏ, còn được khấu trừ  $68 - 42 = 26$  (giảm số thuế được khấu trừ).

Thế thực hiện:

- Lãi lợi từ khai thuế GTGT tháng 3/2018.
- Lãi KHBS
- Điều chỉnh giảm số thuế GTGT kỳ trước vào chỉ tiêu [37] kỳ này là 42 triệu.

5. Thuế GTGT phải nộp trong kỳ = Thuế GTGT đầu ra PS trong kỳ - (Thuế GTGT đầu vào được KT phát sinh trong kỳ + Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang)

$$= 501,5 - (399,05 + 0) + 42 = - 60$$

6. Kết luận:

B) Hồ sơ khai thuế tháng 10/2018 bao gồm (2 điểm):

Do tháng 8/2018, doanh nghiệp có số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển sang kỳ sau là 60 triệu. Khi bổ sung thêm hóa đơn đầu ra bỏ sót, DN sẽ phải nộp thêm  $100 - 60 = 40$  triệu tiền thuế thiêu của kỳ khai thuế tháng 8.

**Thế thực hiện:**

- Tờ khai thuế GTGT tháng 8/2018
- Tờ khai điều chỉnh bổ sung KHBS đính kèm
- Điều chỉnh giảm số thuế GTGT kỳ trước vào chỉ tiêu [37] kỳ tháng 10/18 là 40 triệu.

Ngoài ra, DN phải nộp 40 triệu tiền thuế thiêu của kỳ tháng 8 và tiền phạt chậm nộp đến ngày 1/11 như sau:

- Số ngày chậm nộp =  $10(T9) + 31(T10) + 1(T11) = 42$  ngày
- Số tiền phạt chậm nộp =  $40 * 0.03\% * 42 \text{ ngày} = 0.504$  triệu đồng.

## ĐÁP ÁN: ĐỀ THUẾ TNDN 02

### A, PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Đề thi và bài câu trắc nghiệm học viên làm theo quy tắc sau: Trong đề thi của Tổng Cục Thuế ban hành đề thi và bài câu trắc nghiệm chỉ có duy nhất một đáp án đúng nhất, do vậy trong quá trình làm bài các thí sinh lưu ý chỉ lựa chọn một đáp án (A,B,C,D..) phù hợp, không chọn đồng thời hai đáp án trên cùng một câu hỏi. Trong trường hợp muốn thay đổi câu trả lời thì gạch chéo câu trả lời đã chọn trước đó theo hình hướng dẫn sau

|                                                                                   |                                                                                   |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |
| <b>Chọn</b>                                                                       | <b>Không chọn</b>                                                                 |

| CÂU | ĐÁP ÁN | CÂU | ĐÁP ÁN |
|-----|--------|-----|--------|
| 1   | C      | 6   | E      |
| 2   | B      | 7   | B      |
| 3   | A      | 8   | E      |
| 4   | A      | 9   | A      |
| 5   | A      | 10  | A      |

| CÂU | ĐÁP ÁN | CÂU | ĐÁP ÁN |
|-----|--------|-----|--------|
| 11  | D      | 16  |        |
| 12  | C      | 17  |        |
| 13  | D      | 18  |        |
| 14  | A      | 19  |        |
| 15  | A      | 20  |        |

### B, PHẦN BÀI TẬP: (không cần viết dài, chỉ cần viết đúng trọng tâm)

**Bài Giải:** Đề thi và bài tính: tính thuế.

- Giải số:

+ Doanh nghiệp nộp thuế TNDN theo phương pháp kê khai. Kỳ tính thuế TNDN theo năm dương lịch.

+ Các nghiệp vụ mua vào có hóa đơn, chứng từ hợp pháp, đủ điều kiện để xác định chi phí được trừ (trừ đầu bài cho khác).

- Doanh nghiệp đang được công nhận ưu đãi thuế TNDN và ngành nghề đầu tư và sản xuất kinh doanh không dùng nhân công. Năm 2017, DN đang được miễn thuế đầu tư và ngành này.

### I. Xác định thu nhập chịu thuế:

**TNCT = (Doanh thu – CF đ⊃ c tr⊃) + TN khác****1. Xác đ⊃nh doanh thu t⊃nh thu⊃ TNDN :**

- Ho⊃t đ⊃ng kinh doanh :

+ Doanh thu s⊃n xu⊃t b⊃n c⊃u không dùng n⊃ c : 30

+ Doanh thu s⊃n xu⊃t đ⊃ s⊃ thông th⊃ ng : 50

C⊃ng : 80

- Ho⊃t đ⊃ng chuy⊃n nh⊃ ng v⊃n c⊃a DN ph⊃i kê khai nh⊃ ho⊃t đ⊃ng chuy⊃n nh⊃ ng BĐS do chuy⊃n nh⊃ ng v⊃n c⊃a Cty TNHH MTV có BĐS : 8 t⊃ đ⊃ng.

T⊃ l⊃ doanh thu h⊃ ng ⊃ u đ⊃i/t⊃ng DT =  $30/80 \times 100\% = 37,5\%$ **2. Xác đ⊃nh thu nh⊃p khác :**

- Thu nh⊃p đ⊃ c chia t⊃ ho⊃t đ⊃ng góp v⊃n trong n⊃ c 0,5

- Thu nh⊃p đ⊃ c chia t⊃ NN ch⊃a chuy⊃n v⊃ n⊃ c nên ch⊃a t⊃nh.

- Thu nh⊃p cho thuê TS =  $500m^2 \times 0,0024 - 1,2/6$  1,0

- L⊃i do đ⊃nh giá chênh l⊃ch t⊃ giá ho⊃t đ⊃ng s⊃n xu⊃t s⊃ thông

th⊃ ng 0,11 là thu nh⊃p HĐKD không ⊃ u đ⊃i

- L⊃i do đ⊃nh giá l⊃i các kho⊃n n⊃ ph⊃i tr⊃ c⊃a ho⊃t đ⊃ng s⊃n xu⊃t

b⊃n c⊃u không dùng n⊃ c 0,25 là TN HĐ ⊃ u đ⊃i

C⊃ng : 1,5

**2. Xác đ⊃nh chi phí đ⊃ c tr⊃ :**

T⊃ l⊃ doanh thu/t⊃ng doanh thu :

- B⊃n c⊃u không dùng n⊃ c =  $30/(30+50+8)$  : 34,09%- Đ⊃ s⊃ thông th⊃ ng =  $50/(30+50+8)$  : 56,82%

- Chuy⊃n nh⊃ ng BĐS : 9,09%

T⊃ l⊃ doanh thu/t⊃ng doanh thu :

- B⊃n c⊃u không dùng n⊃ c =  $30/(30+50+8)$  : 34,09%- Đ⊃ s⊃ thông th⊃ ng =  $50/(30+50+8)$  : 56,82%

- Chuy⊃n nh⊃ ng BĐS : 9,09%

| Chi phí                                                                                                                                                                                                                                                                             | Bản câu | Đãi    | BDS    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------|--------|
| Tổng chi phí                                                                                                                                                                                                                                                                        | 28      | 48     | 6      |
| - Chi phí lãi vay, công ty đã góp vốn đi đầu<br>Vay của cá nhân bằng 150%<br>Phân bổ trên không được trừ :<br>$= (18\% - 8\% \times 150\%) \times 0,9 / 18\% = 0,3$<br>+ Lãi vay không được trừ của Bản câu = $0,8 \times 37,5\%$<br>+ Lãi vay không được trừ của Đãi = $0,8 - 0,3$ | (0,11)  | (0,19) |        |
| - Chi phí không có hóa đơn không được trừ :<br>+ Công bản câu = $2,4 \times 34,09\%$<br>+ Công Đãi = $2,4 \times 56,82\%$<br>+ Công BDS = $2,4 \times 9,09\%$                                                                                                                       | (0,82)  | (1,36) | (0,22) |
| - Chi phí hàng TT đi đầu không được trừ :<br>+ Công bản câu = $0,4 \times 34,09\%$<br>+ Công Đãi = $0,4 \times 56,82\%$<br>+ Công BDS = $0,4 \times 9,09\%$                                                                                                                         | (0,14)  | (0,23) | (0,04) |
| Cộng :                                                                                                                                                                                                                                                                              | 26,93   | 46,22  | 5,75   |

#### 4. Xác định thu nhập chịu thuế :

| Hoạt động kinh doanh | DT | CF    | TN khác | TNCT  |
|----------------------|----|-------|---------|-------|
| 1. Bản câu           | 30 | 26,93 | 0,13    | 3,2   |
| 2. Đãi thông thường  | 50 | 46,22 | 0,12    | 3,9   |
| 3. BDS               | 8  | 5,75  |         | 2,25  |
| 3. Thu nhập khác     |    |       | 1,5     | 1,5   |
| Tổng cộng            | 88 | 78,9  | 1,75    | 10,85 |

## II. Xác định TNTT

### TNTT = TNCT – (Lãi được chuyển + TN miễn thuế)

Năm 2016, DN có số là 0,4 tỷ đồng. Giá số là này để đầu tư chuyển nhượng cho năm 2017. Do không xác định được có hay không hoạt động nào nên phải chuyển nhượng cho hoạt động lâu dài.

Thu nhập được chia tỷ lệ trong số là TN miễn thuế.

| Hoạt động kinh doanh | TNCT  | KC  | TN miễn thuế | TNTT |
|----------------------|-------|-----|--------------|------|
| 1. Bán lẻ            | 3,2   | 0,4 |              | 2,8  |
| 2. Dịch vụ thông tin | 3,9   |     |              | 3,9  |
| 3. BĐS               | 2,25  |     |              | 2,25 |
| 3. Thu nhập khác     | 1,5   |     | 0,5          | 1    |
| Tổng cộng            | 10,85 | 0,4 | 0,5          | 9,95 |

### III. Trích lập quỹ phát triển KHCN :

| Hoạt động kinh doanh | TNTT | Trích lập quỹ 10% | TNTT sau trích lập |
|----------------------|------|-------------------|--------------------|
| 1. Bán lẻ            | 2,8  | 0,28              | 2,52               |
| 2. Dịch vụ thông tin | 3,9  | 0,39              | 3,51               |
| 3. BĐS               | 2,25 | 0,225             | 2,03               |
| 3. Thu nhập khác     | 1    | 0,1               | 0,9                |
| Tổng cộng            | 9,95 | 0,995             | 8,96               |

### IV. Thuế TNDN phải nộp ::

| Hoạt động kinh doanh | TNTT sau trích lập | Thuế TNDN phải thông | Ưu đãi (20%-17%) | Ưu đãi MG (50%) | Tổng số thuế ưu đãi | Thuế TNDN phải nộp |
|----------------------|--------------------|----------------------|------------------|-----------------|---------------------|--------------------|
| 1. Bán lẻ            | 2,52               | 0,503                | 0,076            | 0,428           | 0,503               | 0                  |
| 2. Dịch vụ thông tin | 3,51               | 0,702                |                  |                 |                     | 0,702              |
| 3. BĐS               | 2,03               | 0,406                |                  |                 |                     | 0,406              |
| 3. Thu nhập khác     | 0,9                | 0,18                 |                  |                 |                     | 0,18               |
| Tổng cộng            | 8,96               | 1,791                | 0,0654           | 0,18528         | 0,25068             | 1,288              |

**V. Xác định số thuế nộp muộn** = 1,288 X 80% - 1,1 = -0,07

Công ty không có số thuế TNDN bị phạt nộp chậm.

Số thuế phải nộp giảm của DN là 0,503

## ĐÁP ÁN: ĐỀ THUẾ TNDN 03

### A, PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Đề thi và bài câu trắc nghiệm học viên làm theo quy tắc sau: Trong đề thi của Tổng Cục Thuế ban hành đề thi và bài câu trắc nghiệm chỉ có duy nhất một đáp án đúng nhất, do vậy trong quá trình làm bài các thí sinh lưu ý chỉ lựa chọn một đáp án (A,B,C,D..) phù hợp, không chọn đồng thời hai đáp án trên cùng một câu hỏi. Trong trường hợp muốn thay đổi câu trả lời thì gạch chéo câu trả lời đã chọn trước đó theo hình hình vẽ dưới đây

|                                                                                   |                                                                                   |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |
| <b>Chọn</b>                                                                       | <b>Bỏ chọn</b>                                                                    |

| CÂU | ĐÁP ÁN | CÂU | ĐÁP ÁN |
|-----|--------|-----|--------|
| 1   | B      | 6   | E      |
| 2   | C      | 7   | C      |
| 3   | C      | 8   | B      |
| 4   | E      | 9   | A      |
| 5   | E      | 10  | B      |

| CÂU | ĐÁP ÁN | CÂU | ĐÁP ÁN |
|-----|--------|-----|--------|
| 11  | C      | 16  |        |
| 12  | E      | 17  |        |
| 13  | C      | 18  |        |
| 14  | B      | 19  |        |
| 15  | C      | 20  |        |

### B, PHẦN BÀI TẬP: (không cần viết dài, chỉ cần viết đúng trọng tâm)

**Bài Giải:** Đề bài và tính: tính đúng.

- Giải số:

+ Doanh nghiệp nộp thuế TNDN theo phương pháp kê khai. Kỳ tính thuế TNDN theo năm dương lịch.

+ Các nghiệp vụ mua vào có hóa đơn, chứng từ hợp pháp, đủ điều kiện để xác định chi phí được trừ (trừ đầu bài cho khác).

- Doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo địa bàn KT-XH khó khăn.

- Thuế suất DN được hưởng năm 2017 là  $17\% \times 50\% = 8,5\%$

### I. Xác định thu nhập chịu thuế:

$$TNCT = (Doanh thu - CF \text{ trực tiếp}) + TN \text{ khác}$$

1. Xác định doanh thu tính thuế TNDN :

|                                        |      |
|----------------------------------------|------|
| - Doanh thu hoạt động đầu tư           | : 56 |
| - Doanh thu chuyển nhượng bất động sản | : 24 |
| Cộng                                   | : 80 |

Tỷ lệ doanh thu hoạt động đầu tư/tổng DT =  $56/80 \times 100\% = 70\%$

2. Xác định chi phí trực tiếp :

| Chi phí                                                                                                                                                            | CF SX KD chính | CF chuyển nhượng |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------|
| Tổng chi phí                                                                                                                                                       | 50             | 15               |
| a) Trừ : chi phí lãi vay đầu tư CP không thuộc HĐ KD chính                                                                                                         | (0,24)         |                  |
| b) Chi phí hàng hóa tính vào CF trực tiếp, không đầu tư chính.                                                                                                     |                |                  |
| c) Trừ : Chi phí hàng hóa bóng đá không trực tiếp tính                                                                                                             | (0,2)          |                  |
| d) Trừ : Tiền truy thu và phạt chậm nộp                                                                                                                            | (0,5)          |                  |
| đ) Tiền trang phục :<br>+ Phần trang phục nằm trong định mức = $45 \times 0,005 = 0,225$ không đầu tư chính<br>+ Trừ phần vượt định mức = $0,325 - 0,225$          | (0,1)          |                  |
| e) Lãi chênh lệch tỷ giá :<br>+ Lãi chênh lệch tỷ giá các khoản phải trả 0,1 không đầu tư chính.<br>+ Trừ : Lãi CL tỷ giá các khoản phải thu                       | (0,1)          |                  |
| g) CF không đầu tư hóa đơn, chứng từ phải đầu tư chính cho hoạt động chuyển nhượng bất động sản. Do không đầu tư kiên nên không đầu tư chính tăng cho bất động sản | (0,5)          |                  |
|                                                                                                                                                                    | 48,36          | 15               |

3. Xác định thu nhập khác :

|  | TN khác trong địa bàn | TN khác ngoài địa bàn | Cộng |
|--|-----------------------|-----------------------|------|
|  |                       |                       |      |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                 |     |       |       |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-------|-------|
| - Thu nhập h p đ ng                                                                                                                                                                                                                                                             | 0,3 |       | 0,3   |
| - Ti n hoàn thu xuất kh u năm tr c                                                                                                                                                                                                                                              | 0,6 |       | 0,6   |
| - L i t c đ c chia : 0,4<br>+ Chi phí lãi vay : DN đã góp đ v n. Ti n vay c a cá nhân, lãi vay đ c tính vào chi phí đ c tr = $9\%/12*150\%*1*12$ tháng = 0,135.<br>+ Ph n chi phí lãi vay không đ c tính = 0,24 – 0,135 = 0,105<br>+ TN đ c chia tính vào TN khác = 0,4 – 0,105 |     | 0,295 | 0,295 |
| - Thu nh p đ c chia t NN chuy n v<br>+ TN sau thu : 1,78<br>+ TN tr c thu = $1,78/(1-22\%*50\%)$                                                                                                                                                                                |     | 2     | 2     |
| C ng                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0,9 | 2,295 | 3,195 |

#### 4. Xác đ nh thu nh p ch u thu :

| Ho t đ ng kinh doanh | DT | CF    | TN khác | TNCT   |
|----------------------|----|-------|---------|--------|
| 1.Thi t b đ n        | 56 | 48,36 | 0,9     | 8,54   |
| 2.Chuy n nh ng đ án  | 24 | 15    | 2,295   | 11,295 |
| T ng c ng            | 80 | 63,36 | 3,195   | 19,835 |

## II.Xác đ nh TNTT

$$\text{TNTT} = \text{TNCT} - (\text{L đ c k t chuy n} + \text{TN mi n thu})$$

Năm 2016, DN có s l 0,6 t đ ng. Gi s s l này đ đ i u ki n chuy n l cho năm 2017. Do không xác đ nh đ c l c a ho t đ ng nào nên phi chuy n l cho ho t đ ng u đ i.

Thu nh p đ c chia t trong n c là TN mi n thu =

| Ho t đ ng kinh doanh | TNCT   | KC l | TN mi n thu | TNTT |
|----------------------|--------|------|-------------|------|
| 1.Thi t b đ n        | 8,54   | 0,8  |             | 7,74 |
| 2.Chuy n nh ng đ án  | 11,295 |      | 0,295       | 11   |

|           |        |     |       |       |
|-----------|--------|-----|-------|-------|
| Tổng cộng | 19,835 | 0,8 | 0,295 | 18,74 |
|-----------|--------|-----|-------|-------|

### III.Trích lập quĩ phát triển KHCN :

| Hoạt động kinh doanh              | TNTT  | Trích lập quĩ 10% | TNTT sau trích lập |
|-----------------------------------|-------|-------------------|--------------------|
| 1.Thi công lắp đặt                | 7,74  | 0,774             | 6,966              |
| 2.Chuyển nhượng quyền sử dụng đất | 11    | 1,1               | 9,9                |
| Tổng cộng                         | 18,74 | 1,874             | 16,866             |

### IV.Thuế TNDN phải nộp ::

| Hoạt động kinh doanh              | TNTT sau trích lập | Thuế TNDN phải nộp thông | Ưu đãi t.suất (20% -17%) | Ưu đãi MG (50%) | Tổng số thuế đc ưu đãi | Thuế TNDN phải nộp |
|-----------------------------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------|------------------------|--------------------|
| 1.Thi công lắp đặt                | 6,966              | 1,3932                   | 0,20898                  | 0,59211         | 0,80109                | 0,59211            |
| 2.Chuyển nhượng quyền sử dụng đất | 9,9                | 1,98                     |                          |                 |                        | 1,98               |
| Tổng cộng                         | 16,866             | 3,3732                   | 0,20898                  | 0,59211         | 0,80109                | 2,57211            |

### V.Thuế TNDN phải nộp ngoài địa phương :

Thuế TNDN phải nộp tại Việt Nam tính theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo công thức ngoài:  $2 \times 22\% \times 50\% = 0,22$

Thuế TNDN đã nộp tại địa phương ngoài địa phương :  $\text{Min}(2 \times 20\%; 2 \times 22\%) = 0,34$

**VI.Tổng số thuế TNDN còn phải nộp sau khi nộp thuế tại NN** = 2,57211 – 0,4 = 2,17211

**VII.Xác định số thuế phải nộp** = 2,17211 \* 80% - 0 = 1,737688